

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án: xây dựng đường và kênh tại Khu KTCK Hoa Lư giai đoạn 2013-2015.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1246/TTr-SKHĐT ngày 10/9/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án: Xây dựng đường và kênh tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư 03 năm 2013-2015, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng đường và kênh tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2015.

2. Đơn vị lập Đề cương, Dự toán: Ban Quản lý Khu Kinh tế, tỉnh Bình Phước.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước.

4. Hình thức xây dựng: Xây dựng mới.

5. Địa điểm thực hiện: Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư xã Lộc Thạnh và xã Lộc Hoà, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

6. Sự cần thiết phải đầu tư: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường và kênh tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư nhằm tạo điều kiện cho việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo quy hoạch và thúc đẩy sự phát triển Khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư. Do vậy việc đầu tư xây dựng là hết sức cần thiết.

7. Sự phù hợp với quy hoạch và kế hoạch: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường và kênh tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư nhằm tạo điều kiện cho việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo quy hoạch và thúc đẩy sự phát triển Khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với quy hoạch Khu kinh tế cửa Khẩu Hoa Lư đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung tại Quyết định số 61/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 và Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 08/03/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu Khu quản lý Thương mại – Dịch vụ - Công nghiệp cửa khẩu Hoa Lư.

8. Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường và kênh tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư nhằm tạo điều kiện cho việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo quy hoạch và thúc đẩy sự phát triển Khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư nói riêng và của tỉnh nói chung.

9. Nội dung và quy mô đầu tư:

9.1. Nội dung đầu tư: Dự án đầu tư gồm 2 phần là phần đường giao thông và kênh tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

9.2. Dự kiến quy mô đầu tư:

9.2.1. Phần đường:

a. Đối với các tuyến đường dẫn: Tổng chiều dài tuyến 330 mét.

- Tiêu chuẩn thiết kế: Đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường ô tô (TCVN 4054-2005).

- Tốc độ thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục xe tính toán: 12T/trục.

- Nền đường rộng: 55 mét.

Trong đó:

+ Phần bên trái tuyến đầu tư thảm nhựa rộng thêm 8,5mét.

+ Phần bên phải tuyến đầu tư thảm nhựa rộng 22,5mét và phần mở rộng tại dãy phân cách, đường vuốt vào Quốc lộ 13.

+ Phần thảm nhựa có kết cấu như sau:

♦ Lớp bê tông nhựa nóng hạt mịn C10 dày 4cm trên lớp nhựa lót tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

♦ Lớp bê tông nhựa nóng hạt trung C20 dày 5cm; E = 1.450 daN/cm² trên lớp nhựa lót tiêu chuẩn 1,0Kg/m².

♦ Lớp cấp phối đá dăm (0x5) dày 30cm; K = 0,98; E = 1.350 daN/cm².

♦ Lớp cấp phối sỏi đỏ dày 30cm, lu lèn đạt K = 0,98; E = 850 daN/cm².

- Dãy phân cách: Rộng 10 mét.

+ Đắp bằng đất hữu cơ dày 20cm.

+ Trồng cỏ đậu; trồng cây xanh 5 tầng, khoảng cách 5 đến 6 mét/cây.

- Vía hè: Chỉ đầu tư bó vỉa và đắp vỉa hè bằng cấp phối sỏi đỏ.

- Công thoát nước: Đầu tư công BTLT D1000 hai bên vỉa hè và các hố ga thu nước.

b. Đối với các tuyến đường thảm nhựa Khu quản lý Thương mại – Dịch vụ phía Đông QL13 diện tích 256ha và Khu quản lý Thương mại – Dịch vụ phía Tây QL13 diện tích 191ha:

- Tổng chiều dài các tuyến: 19.385 mét.

Trong đó:

+ Tuyến đường trục 1 dài: 3.195 mét.

+ Tuyến đường D1 dài: 1.225 mét.

+ Tuyến đường D2 dài: 485 mét.

+ Tuyến đường D3 dài: 485 mét.

+ Tuyến đường D6 dài: 1.712 mét.

+ Tuyến đường D7 dài: 1.712 mét.

+ Tuyến đường D20 dài: 1.426 mét.

+ Tuyến đường D22 dài: 1.410 mét.

+ Tuyến đường N7 dài: 1.000 mét.

+ Tuyến đường N8 dài: 1.000 mét.

+ Tuyến đường N10 dài: 1.735 mét.

+ Tuyến đường N11 dài: 500 mét.

+ Tuyến đường N14 dài: 3.500 mét.

- Bề rộng mặt đường cụ thể như sau:

+ Các tuyến đường (Trục 1, D7, D22, N14) có mặt đường rộng theo quy hoạch là 15 mét, giai đoạn này chỉ đầu tư trước 7 mét tại tim đường, còn lại 2x4 mét hai bên sẽ đầu tư mở rộng giai đoạn sau cùng với hệ thống thoát nước.

+ Các tuyến đường (Đường D2, D3, D6, D20, N8, N10, N11) có mặt đường rộng theo quy hoạch là 10,5 mét, giai đoạn này chỉ đầu tư trước 5 mét tại tim đường, còn lại 2x2,75 mét hai bên sẽ đầu tư mở rộng giai đoạn sau cùng với hệ thống thoát nước.

+ Các tuyến đường (Đường D1, N7) có mặt đường theo quy hoạch rộng theo quy hoạch là 9 mét, giai đoạn này chỉ đầu tư trước 5 mét, còn lại 2x2 mét hai bên sẽ đầu tư mở rộng giai đoạn sau cùng với hệ thống thoát nước.

- Tốc độ thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục xe tính toán; 12T/trục.

- Phân thảm nhựa có kết cấu như sau:

+ Lớp bê tông nhựa nóng hạt mịn C10 dày 4cm trên lớp nhựa lót tiêu chuẩn 0,5Kg/m².

+ Lớp bê tông nhựa nóng hạt trung C20 dày 5cm; $E = 1.450 \text{ daN/cm}^2$ trên lớp nhựa lót tiêu chuẩn 1,0Kg/m².

+ Lớp cấp phối đá dăm (0x5) dày 30cm; $K = 0,98$; $E = 1.350 \text{ daN/cm}^2$.

+ Lớp cấp phối sỏi đỏ dày từ 15-20cm, lu lèn đạt $K = 0,98$; $E = 850 \text{ daN/cm}^2$.

- Lề đường: Đắp đất C2 chọn lọc, có độ dốc ngang 3%.

c. Đối với các tuyến đường sỏi đỏ D8, N13, D23, đường trục 2 (đoạn qua xã Lộc Hòa) đường bao quanh lô đất CX7:

- Tổng chiều dài các tuyến: 12.000 mét.

- Cấp kỹ thuật: Đường giao thông cấp IV.

- Tốc độ thiết kế: 40km/h.

- Tải trọng trục xe tính toán: 10T/trục.

- Nền đường rộng: từ 10,5 mét đến 15 mét.

- Mặt đường bằng cấp phối sỏi đỏ rộng 8,0 mét.

- Độ dốc ngang mặt đường sỏi đỏ: 3%.

- Độ dốc ngang lề đường: 4%.

- Kết cấu mặt đường:

+ Cấp phối sỏi đỏ dày 20cm; $K=0,98$; $E = 850 \text{ daN/cm}^2$.

+ Nền san lấp lu lèn chặt $K = 0,95$; $E = 550 \text{ daN/cm}^2$.

- Kết cấu lề đường: Đắp đất cấp 2 lu lèn $K=0,98$.

9.2.2. Phần kênh thoát nước:

- Đầu tư xây dựng kênh thoát nước T3 và đoạn nhánh rẽ kênh T 1 với tổng chiều dài tuyến là 2.400 mét.

- Kênh thoát nước có kết cấu là kênh đất đào, có đáy rộng 2 mét, chiều cao là 2,5 mét đến 3,0 mét.

10. Thời gian thực hiện công trình: Năm 2013 - 2015.

11. Khái toán tổng mức đầu tư: **146.889.526.725 đồng.**
(Một trăm bốn mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	123.606.989.000 đồng.
- Chi phí rà phá bom mìn:	157.500.000 đồng.
- Chi phí bồi thường GPMB:	2.000.000.000 đồng.
- Chi phí QLDA:	1.802.425.877 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư:	5.215.853.198 đồng.
- Chi phí khác:	949.301.676 đồng.
- Chi phí dự phòng:	13.157.456.915 đồng.

12. Nguồn vốn và khả năng cân đối:

12.1. Nguồn vốn: Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh 03 năm 2013 - 2015.

12.2. Khả năng cân đối nguồn vốn: Khả năng cân đối từ nguồn vốn trong 03 năm (2013-2015) là đảm bảo. Dự kiến bố trí cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng.

Cụ thể từng năm	Dự kiến bố trí vốn cho dự án			Ghi chú
	Tổng số	Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	
Năm 2013	37.000	17.000	20.000	Theo QĐ 60 của Thủ tướng Chính phủ đối với việc hỗ trợ hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu NSTW chỉ hỗ trợ 35% trên tổng mức đầu tư được duyệt, phần còn lại ngân sách tỉnh phải đảm nhận.
Năm 2014	53.000	19.000	34.000	
Năm 2015	63.000	22.000	41.000	
Tổng cộng	146.000	51.000	95.000	

13. Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư:

884.058.265 đồng.

- Chi phí lập khảo sát + lập dự án đầu tư: 827.374.724 đồng.
- Chi phí thẩm định dự án đầu tư: 13.667.951 đồng.
- Chi phí thẩm định thiết kế cơ sở: 22.756.758 đồng.
- Lệ phí thẩm định dự toán: 20.258.832 đồng.

Dự toán chi phí trên chỉ là tạm tính, khi thanh quyết toán, đề nghị Chủ đầu tư căn cứ vào kết quả thực hiện được nghiệm thu hoàn thành và các quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Thời gian thực hiện bước chuẩn bị đầu tư dự án: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

15. Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng.

Điều 2. Ban Quản lý Khu kinh tế là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện theo các nội dung đã nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3: Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao Thông vận tải, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu: VT, Đ.Hòa.g



Nguyễn Văn Lợi